Trung tâm Công báo và Tin học
ttcbth@quangngai.gov.vn
01.08.2018 16:18:42 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 4557/UBND-KGVX	*Quảng Ngãi, ngày 01 tháng 8 năm 2018*

V/v kinh phí thực hiện chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp năm 2016 và 2017

TT CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI
ĐẾN Số: 4326
Ngày: 01/8/18
Chuyển:

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Thông tư liên tịch 12/2016/TTLT-BLĐTBXH-BGDĐT-BTC ngày 16/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chính sách nội trú quy định tại Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp, UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo quyết toán kinh phí thực hiện năm 2016 và 2017 như sau:

1. Nhu cầu kinh phí năm 2016 và 2017: 3.026.000 ngàn đồng.

2. Năm 2016 và 2017 Bộ Tài chính chưa cấp kinh phí để thực hiện, nên trong năm 2017, một số đơn vị đã tạm ứng để chi trả cho các đối tượng được hưởng từ năm 2016 và 2017 là 119.840 ngàn đồng, bao gồm:

a) Năm 2016: chi hỗ trợ cho 14 em, với số tiền 102.900 ngàn đồng.

b) Năm 2017: chi hỗ trợ cho 14 em, với số tiền 16.940 ngàn đồng.

UBND tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo và đề nghị Bộ Tài chính giải quyết kinh phí để địa phương thực hiện chi trả kinh phí cho các đối tượng trong năm 2016 và 2017 là 3.026.000 ngàn đồng.

(Phụ lục chi tiết kèm theo Công văn này)./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, Lao động – Thương binh và Xã hội, Giáo dục và Đào tạo;
- VPUB: CVP, PCVP(KGVX), KT, CBTH;
- Lưu: VT, KGVXhmy320

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Đặng Ngọc Dũng

MẪU BIỂU SỐ 03.6

PHỤ LỤC I

TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH NỘI TRÚ ĐỐI VỚI HỌC SINH, SINH VIÊN HỌC CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP NĂM 2017 VÀ DỰ KIẾN NHU CẦU KINH PHÍ NĂM 2018

(Kèm theo Công văn số 4557/UBND-KGVX ngày 01 / 8 /2018 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chính sách, chế độ	Thực hiện năm 2016		Tình hình thực hiện năm 2017												Dự kiến nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2018											
						Trong đó			Số kinh phí đã bố trí				Số kinh phí còn thiếu						Trong đó				Số kinh phí đã bố trí			Số kinh phí còn thiếu			
										Bao gồm				Trong đó									Bao gồm			Trong đó		
		Số đối tượng	Kinh phí thực hiện	Số đối tượng	Nhu cầu kinh phí	Hỗ trợ học bổng 100% hoặc 80% x 12 tháng	Trợ cấp xã hội 1,000,000đ/th/hs	tàu xe 300,000/em	Tổng số	Bố trí trong chi cân đối NSĐP (nếu có)	NSTW bổ sung có mục tiêu	NSĐP	Tổng số	NSTW hỗ trợ	NSĐP	Số kinh phí còn dư (nếu có)	Số đối tượng	Nhu cầu kinh phí	Hỗ trợ học bổng 100% hoặc 80% x 12 tháng	Đồ dùng 1,000,000 đ/th/hs x 12 tháng	Hỗ trợ tết	tàu xe 300,000 /em	Tổng số	Bố trí trong chi cân đối NSĐP (nếu có)	NSĐP	Tổng số	NSTW hỗ trợ	NSĐP	Số kinh phí còn dư (nếu có)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28=15+19	29	30
	Tổng cộng	-	-	**185**	**3,026**	**2,785**	**185**	**56**	-	-	-	-	**3,026**	**3,026**	-	-	**117**	**1,860**	**1,707**	**117**	-	**36**	-	-	-	**4,886**	**4,886**	-	-
1	Sở Lao động - TB và XH	-	-	**149**	**2,438**	**2,244**	**149**	**45**	-	-	-	-	**2,438**	**2,438**	-	-	**63**	**1,065**	**983**	**63**	-	**19**	-	-	-	**3,503**	**3,503**	-	-
	- Hộ nghèo, cận nghèo, khuyết tật,			149	2,438	2,244	149	45	-				2,438	2,438			63	1,065	983	63		19				3,503	3,503		
2	Trường CĐ Y tế Đặng Thùy Trâm	-	-	**34**	**555**	**511**	**34**	**10**	-	-	-	-	**555**	**555**	-	-	**52**	**773**	**705**	**52**	-	**16**	-	-	-	**1,328**	**1,328**	-	-
	- Hộ nghèo, cận nghèo, khuyết tật,			24	392	361	24	7	-				392	392			30	507	468	30		9	-			899	899		
	- HS, SV tốt nghiệp phổ thông dân tộc nội trú			4	65	60	4	1	-				65	65			10	138	125	10		3	-			203	203		
	Người kinh thuộc hộ nghèo ở vùng ĐBKK			6	98	90	6	2					98	98			12	128	112	12		4				226	226		
3	Trường CĐ nghề Việt Nam - Hàn Quốc			2	33	30	2	1	-	-	-	-	33	33	-	-	2	22	19	2	-	1	-	-	-	55	55	-	-
	- HS, SV tốt nghiệp phổ thông dân tộc nội trú			2	33	30	2	1					33	33			2	22	19	2		1				55	55		

Phụ lục II

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN: TỈNH QUẢNG NGÃI

BÁO CÁO TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH NỘI TRÚ ĐỐI VỚI HỌC SINH, SINH VIÊN HỌC CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP NĂM 2016

(Kèm theo Công văn số 4557 /UBND-KGVX ngày 01 / 8 /2018 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Ngàn đồng

TT	Loại đối tượng được hưởng chính sách	Số lượng đối tượng được hưởng chính sách	Hỗ trợ để mua đồ dùng cá nhân và đi lại	Hỗ trợ ở lại trường trong dịp tết nguyên đán	Số tháng hưởng học bổng chính sách/năm	Mức học bổng chính sách/ tháng mức lương 1150 ngàn đồng	Mức học bổng chính sách/ tháng mức lương 1210 ngàn đồng	Kinh phí hỗ trợ
		-1	-2	-3	-4	-5		(6) = (1)*[(2)+(3)+(4)*(5)]
	Tổng cộng	**14**	**3.800**	**-**	**-**	**2.904**		**102.900**
I	**Học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, thuộc hộ cận nghèo, người khuyết tật**	14	1.200	0	0	1210		102.900
1	Học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo	14						102.900
1.1	*Hồ Thị Hậu*	*1*	*1.300*		*5*	*1.150*	*1.210*	*7.350*
1.2	*Phạm Thị Mỹ Hiền*	*1*	*1.300*		*5*	*1.150*	*1.210*	*7.350*
1.3	*Phạm Thị Hoa*	*1*	*1.300*		*5*	*1.150*	*1.210*	*7.350*
1.4	*Hồ Thị Loan*	*1*	*1.300*		*5*	*1.150*	*1.210*	*7.350*
1.5	*Phạm Thị Minh Quý*	*1*	*1.300*		*5*	*1.150*	*1.210*	*7.350*
1.6	*Phạm Thị Thu Trang*	*1*	*1.300*		*5*	*1.150*	*1.210*	*7.350*
1.7	*Phạm Thị Vi*	*1*	*1.300*		*5*	*1.150*	*1.210*	*7.350*
1.8	*Hồ Văn Út*	*1*	*1.300*		*5*	*1.150*	*1.210*	*7.350*
1.9	*Phạm Văn Tuấn*	*1*	*1.300*		*5*	*1.150*	*1.210*	*7.350*
1.10	*Đinh Bá Duy*	*1*	*1.300*		*5*	*1.150*	*1.210*	*7.350*
1.11	*Hồ Văn Nam*	*1*	*1.300*		*5*	*1.150*	*1.210*	*7.350*
1.12	*Đinh Văn Nho*	*1*	*1.300*		*5*	*1.150*	*1.210*	*7.350*
1.13	*Phạm Văn Sun*	*1*	*1.300*		*5*	*1.150*	*1.210*	*7.350*
1.14	*Nguyễn Văn Tuấn*	*1*	*1.300*		*5*	*1.150*	*1.210*	*7.350*

Phụ lục III

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN: TỈNH QUẢNG NGÃI

BÁO CÁO TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH NỘI TRÚ ĐỐI VỚI HỌC SINH, SINH VIÊN HỌC CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP NĂM 2017

(Kèm theo Công văn số 4557/UBND-KGVX ngày 01 / 8 /2018 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Ngàn đồng

TT	Loại đối tượng được hưởng chính sách	Số lượng đối tượng được hưởng chính sách	Hỗ trợ để mua đồ dùng cá nhân và đi lại	Hỗ trợ ở lại trường trong dịp tết nguyên đán	Số tháng hưởng học bổng chính sách/năm	Mức học bổng chính sách/ tháng mức lương 1210 ngàn đồng	Mức học bổng chính sách/ tháng mức lương 1300 ngàn đồng	Kinh phí hỗ trợ
		1	2	3	4	5	6	(7) = (1)*[(2)+(3)+(4)*(5)+(6)]
	Tổng cộng	**14**		**-**	**-**			**16.940**
I	**Học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, thuộc hộ cận nghèo, người khuyết tật**	14	1.200	0				16.940
1	Học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo	14						16.940
1.1	*Hồ Thị Hậu*	*1*			*1*	*1.210*		*1.210*
1.2	*Phạm Thị Mỹ Hiền*	*1*			*1*	*1.210*		*1.210*
1.3	*Phạm Thị Hoa*	*1*			*1*	*1.210*		*1.210*
1.4	*Hồ Thị Loan*	*1*			*1*	*1.210*		*1.210*
1.5	*Phạm Thị Minh Quý*	*1*			*1*	*1.210*		*1.210*
1.6	*Phạm Thị Thu Trang*	*1*			*1*	*1.210*		*1.210*
1.7	*Phạm Thị Vi*	*1*			*1*	*1.210*		*1.210*
1.8	*Hồ Văn Út*	*1*			*1*	*1.210*		*1.210*
1.9	*Phạm Văn Tuấn*	*1*			*1*	*1.210*		*1.210*
1.10	*Đinh Bá Duy*	*1*			*1*	*1.210*		*1.210*
1.11	*Hồ Văn Nam*	*1*			*1*	*1.210*		*1.210*
1.12	*Đinh Văn Nho*	*1*			*1*	*1.210*		*1.210*
1.13	*Phạm Văn Sun*	*1*			*1*	*1.210*		*1.210*
1.14	*Nguyễn Văn Tuấn*	*1*			*1*	*1.210*		*1.210*